

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2019

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về chế độ tài chính đối với chương trình,
dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức
chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về chế độ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chế độ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (sau đây viết tắt là chương trình, dự án TCVM).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chương trình, dự án TCVM được thành lập và tổ chức hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6

năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (sau đây viết tắt là Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg) và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Vốn của chương trình, dự án TCVM

1. Vốn của chương trình, dự án TCVM

a) Vốn thực hiện chương trình, dự án TCVM bao gồm:

- Vốn do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ giao, cấp cho chương trình, dự án TCVM;
- Vốn góp của các tổ chức, cá nhân (nếu có);
- Vốn viện trợ, tài trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân.

b) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản với giá trị đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước hoặc trường hợp đánh giá khác theo quy định của pháp luật.

c) Quỹ được giao để chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án TCVM và các quỹ trích lập theo quy định.

d) Lợi nhuận để lại lũy kế; lỗ lũy kế chưa xử lý (nếu có).

đ) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của chương trình, dự án TCVM theo quy định của pháp luật.

2. Vốn huy động dưới các hình thức

a) Nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô theo quy định của chương trình, dự án TCVM. Tổng mức tiền gửi tiết kiệm tự nguyện không vượt quá 30% tổng vốn được cấp của chương trình, dự án TCVM.

b) Vốn nhận ủy thác cho vay vốn của Chính phủ, của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

c) Vốn vay của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

d) Tiếp nhận vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của Chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của chương trình, dự án TCVM

1. Chương trình, dự án TCVM có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn, tài sản của chương trình, dự án TCVM theo quy định của pháp luật và một số hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này.

2. Theo dõi, hạch toán độc lập đối với vốn, tài sản khác của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

3. Chương trình, dự án TCVM thực hiện hạch toán theo quy định của Bộ Tài chính; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản trong quá trình kinh doanh; quy định rõ trách nhiệm và hình thức xử lý đối với từng bộ phận, cá nhân trong trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản, tiền vốn của chương trình, dự án TCVM.

4. Đối với những tài sản đi thuê, chương trình, dự án TCVM có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Việc trích lập và sử dụng dự phòng đối với các khoản cho vay: chương trình, dự án TCVM thực hiện theo quy định đối với tổ chức tài chính vi mô.

Điều 5. Doanh thu

Doanh thu của chương trình, dự án TCVM bao gồm:

1. Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự, bao gồm:

- a) Thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.
- b) Thu lãi cho vay của khách hàng tài chính vi mô.
- c) Thu khác từ hoạt động tín dụng theo quy định của pháp luật.

2. Thu từ hoạt động dịch vụ bao gồm:

- a) Thu từ dịch vụ nhận uỷ thác cho vay vốn.
- b) Thu từ dịch vụ tư vấn, hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng tài chính vi mô liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô.

c) Thu từ đại lý cung cấp các sản phẩm bảo hiểm.

3. Thu từ chênh lệch tỷ giá theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được hạch toán vào thu nhập theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Thu hoàn nhập dự phòng.

b) Thu từ các khoản nợ đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro, các khoản nợ đã xóa, các khoản nợ đã mất chủ nợ hoặc không xác định được chủ nợ nay thu hồi được.

c) Thu từ tiền phạt khách hàng, tiền khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng.

d) Thu do bảo hiểm bồi thường sau khi đã bù đắp khoản tổn thất đã mua bảo hiểm.

đ) Thu từ thanh lý tài sản.

e) Thu khác.

Điều 6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

1. Việc ghi nhận và hạch toán doanh thu, thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đối với thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

a) Thu lãi từ hoạt động cho vay vi mô: chương trình, dự án TCVM hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản cho vay trong hạn. Đối với số lãi phải thu của các khoản cho vay quá hạn, chương trình, dự án TCVM không phải hạch toán thu nhập mà theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

b) Thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu từ tiền gửi của chương trình, dự án TCVM tại các tổ chức tín dụng trong kỳ.

3. Thu từ nhận tài trợ không hoàn lại để thực hiện các chương trình phát triển, các hoạt động của chương trình, dự án TCVM ngoài các khoản thu hộ, chi hộ: là số tiền thực tế thu được tại thời điểm nhận tài trợ.

4. Đối với các khoản thu về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ngoại tệ và vàng: chương trình, dự án TCVM thực hiện ghi nhận theo quy định tại chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Đối với doanh thu từ các hoạt động còn lại: doanh thu là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ được khách hàng chấp nhận thanh toán (nếu có chứng từ hợp lệ) không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

6. Đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì chương trình, dự án TCVM hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

Điều 7. Chi phí

Chi phí của chương trình, dự án TCVM bao gồm các khoản chi cụ thể như sau:

1. Chi phí trả lãi và các khoản chi phí tương tự

- a) Chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm bắt buộc.
- b) Chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm tự nguyện.
- c) Chi trả lãi tiền vay.
- d) Chi khác cho hoạt động tín dụng.

2. Chi phí hoạt động dịch vụ

- a) Chi dịch vụ viễn thông.
- b) Chi trả phí uỷ thác cho vay vốn.
- c) Chi cho dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến lĩnh vực hoạt động tài chính vi mô.

d) Chi hoa hồng cho đại lý, môi giới, uỷ thác đối với các hoạt động đại lý môi giới, uỷ thác được pháp luật cho phép. Trong đó, đối với chi hoa hồng môi giới thực hiện theo quy định sau:

- Chương trình, dự án TCVM được chi hoa hồng môi giới đối với hoạt động môi giới được pháp luật cho phép;